

Số: 376 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng Long An và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 18/12/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng Long An

Mã số thuế: 1100533451

Địa chỉ: Số 39 đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng nghiên cứu phát triển và thí nghiệm

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 39 đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 337**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 737/GCN-BXD ngày 22/12/2017./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Giám định chất lượng XD thuộc Sở Xây dựng Long An;
- Sở XD Long An;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 337
*(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 376/GCN-BXD, ngày 30 tháng 12 năm 2022
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Xác định độ mịn của xi măng	TCVN 4030 : 2003
2.	Xác định khối lượng riêng xi măng	TCVN 4030 : 2003
3.	Xác định độ bền uốn - nén	TCVN 6016 : 2011
4.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017 : 2015
5.	Xác định hàm lượng (SO ₃)	TCVN 141 : 2008
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
6.	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
7.	XĐ khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
8.	Xác định khối lượng riêng khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
9.	Xác định khối lượng thể tích; độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
11.	XĐ hàm lượng bụi bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-8:2006
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
13.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
14.	XĐ độ nén đập và hệ số hóa mềm cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
15.	Xác định độ mài mòn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 2006
16.	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
17.	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic	TCVN 7572-14:2006
18.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
19.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
VỮA XÂY DỰNG		
20.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 3121-2 : 2003
21.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 : 2003
22.	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6 : 2003
23.	Xác định thời gian đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9 : 2003
24.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10 : 2003
25.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11 : 2003
26.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12 : 2003
27.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18 : 2003
28.	Xác định độ tách nước	TCVN 9204 : 2012
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
29.	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:93
30.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
31.	Thử độ cứng VeBe	TCVN 3107:93
32.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
33.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
34.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
35.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
36.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
37.	Xác định giới hạn bên khi nén	TCVN 3118:93
38.	Xác định giới hạn bên khi uốn	TCVN 3119:93
39.	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93

— PCC —

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG		
40.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
41.	Thử uốn	TCVN 198:2008
42.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - thử uốn	TCVN 5401:2010
43.	Thử kéo bulông	TCVN 1961:1995
THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY		
44.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quang	TCVN 6355-1:2009
45.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
46.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
47.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
48.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
49.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
50.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
51.	Xác định độ thoát muối	TCVN 6355-8:2009
THỬ NGHIỆM CẤP PHỐI ĐÁ DÀM		
52.	Thành phần hạt	TCVN 4198 : 1995
53.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	22TCN 333 : 2006
54.	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
55.	Lấy mẫu	TCVN 6476 : 1999
56.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 : 1999
57.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476 : 1999
58.	Xác định độ hút nước	TCVN 6476 : 1999
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG NHẸ		
59.	Lấy mẫu	TCVN 9030 : 2017
60.	Xác định sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030 : 2017
61.	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030 : 2017
62.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030 : 2017
63.	Xác định độ co khô	TCVN 9030 : 2017
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
64.	Lấy mẫu	TCVN 6477 : 2016
65.	Xác định sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477 : 2016
66.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477 : 2016
67.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477 : 2016
68.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477 : 2016
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
69.	Lấy mẫu, hướng dẫn lập chương trình lấy và kỹ thuật lấy mẫu	TCVN 6663-1 : 2011
70.	Xác định hàm lượng cặn không tan, hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560 : 1988
71.	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194 : 1996
72.	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200 : 1996
73.	Xác định độ pH	TCVN 6492 : 2011
74.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186 : 1996
75.	Xác vãng dầu mỡ	TCVN 4506 : 2012
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
76.	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683 : 2012
77.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195 : 2012
78.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012
79.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197 : 2012
80.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198 : 2012

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
81.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199 : 2012
82.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200 : 2012
83.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201 : 2012
84.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202 : 2012
85.	Thử nghiệm sức chịu tải của (CBR)	22TCN 332 : 2006
86.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868 : 2011
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
87.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng pp dai dai	22TCN 02:71
88.	Xác định độ chặt nền, móng bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
89.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
90.	Xác định không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9335:2012
91.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thí nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
92.	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
93.	Đo độ lún công trình	TCVN 9360:2012
94.	Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
95.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
96.	Đo chiều dày lớp phủ	TCVN 10310:2014
97.	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012
98.	Trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
99.	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính có độ phóng đại nhỏ	TCVN 5879:2009
100.	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Handwritten mark